

CURRENT SITUATION AND TRAINING NEEDS OF PRESENTATION SKILLS OF STUDENTS AT UNIVERSITY OF EDUCATION – THAI NGUYEN UNIVERSITY

Nguyen Thi Hoa*, Duong Thi Le Hien, Dao Thi Thu Mai

TNU - University of Education

ARTICLE INFO		ABSTRACT
Received:	16/5/2025	Presentation is one of the basic and important soft skills for people in general and especially for pedagogical students - future teachers. This study aims to assess the current situation and training needs of presentation skills of students at University of Education - Thai Nguyen University. The study conducted a survey of 350 students and interviewed Youth Union - Student Association officers, managers, lecturers who are student affairs assistants and inter-branch union secretaries. The research results showed that students at University of Education - Thai Nguyen University have recognized the importance of presentation skills, but still face many difficulties and lack confidence in practicing this skill. Although there have been training and education activities by the school, lecturers and mass organizations, students have a high demand for training in presentation skills, especially the opening of short-term training courses with certificates. Based on the analysis of the current situation of students' presentation skills, the current situation of training presentation skills for students at University of Education - Thai Nguyen University, the group of authors proposes solutions to meet the needs of students, improve the quality of presentation skills training in particular and the quality of education and training in general.
Revised:	28/7/2025	
Published:	28/7/2025	
KEYWORDS		
Current situation		
Training needs		
Presentation skills		
Students		
University of Education		
Thai Nguyen University		

THỰC TRẠNG VÀ NHU CẦU ĐÀO TẠO KỸ NĂNG THUYẾT TRÌNH CỦA SINH VIÊN TRƯỜNG ĐẠI HỌC SƯ PHẠM – ĐẠI HỌC THÁI NGUYÊN

Nguyễn Thị Hòa*, Dương Thị Lệ Hiền, Đào Thị Thu Mai

Trường Đại học Sư phạm - ĐH Thái Nguyên

THÔNG TIN BÀI BÁO		TÓM TẮT
Ngày nhận bài:	16/5/2025	Thuyết trình là một trong những kỹ năng mềm cơ bản, quan trọng đối với con người nói chung và đặc biệt đối với sinh viên sư phạm - những giáo viên tương lai. Nghiên cứu này nhằm đánh giá thực trạng và nhu cầu đào tạo kỹ năng thuyết trình của sinh viên trường Đại học Sư phạm - Đại học Thái Nguyên. Nghiên cứu thực hiện khảo sát điều tra phiếu đối với 350 sinh viên và phỏng vấn cán bộ Đoàn thanh niên - Hội sinh viên, cán bộ quản lý, giảng viên là trợ lý công tác sinh viên và bí thư liên chi đoàn. Kết quả nghiên cứu cho thấy, sinh viên trường Đại học Sư phạm - Đại học Thái Nguyên đã nhận thức được tầm quan trọng của kỹ năng thuyết trình, tuy nhiên còn nhiều khó khăn, thiếu tự tin khi thực hành kỹ năng này. Mặc dù đã có các hoạt động rèn luyện, đào tạo của nhà trường, giảng viên và các tổ chức đoàn thể... nhưng sinh viên có nhu cầu cao được đào tạo kỹ năng thuyết trình, nhất là việc mở lớp đào tạo ngắn hạn có cấp chứng nhận. Trên cơ sở phân tích thực trạng kỹ năng thuyết trình của sinh viên, thực trạng đào tạo kỹ năng thuyết trình cho sinh viên ở trường Đại học Sư phạm - Đại học Thái Nguyên, nhóm tác giả đề xuất các giải pháp nhằm đáp ứng nhu cầu của sinh viên, nâng cao chất lượng đào tạo kỹ năng thuyết trình nói riêng và chất lượng giáo dục đào tạo nói chung.
Ngày hoàn thiện:	28/7/2025	
Ngày đăng:	28/7/2025	
TỪ KHÓA		
Thực trạng		
Nhu cầu đào tạo		
Kỹ năng thuyết trình		
Sinh viên		
Trường Đại học Sư phạm		
Đại học Thái Nguyên		

DOI: <https://doi.org/10.34238/tnu-jst.12819>

* Corresponding author. Email: hoant.his@tnue.edu.vn

1. Giới thiệu

Thuyết trình được đề cập đầu tiên trên giấy cói của Ai Cập cách đây khoảng 4500 năm. Đặc biệt, vào thế kỉ thứ 3 trước công nguyên, thuyết trình đã được Aristotle (384-322) mô tả chi tiết về cách nói và thuyết phục có hiệu quả trong quyển sách “Thuật hùng biện”. Từ đây, Aristotle cho rằng thuyết trình là một nghệ thuật [1]. Thuyết trình là trình bày bằng lời trước nhiều người về một vấn đề nào đó nhằm cung cấp thông tin hoặc thuyết phục, gây ảnh hưởng đến người khác [2].

Vai trò của kỹ năng thuyết trình (KNTT) đối với mỗi người đã được nhiều học giả khẳng định: Thuyết trình là công cụ giao tiếp hiệu quả giúp mỗi người truyền tải thông điệp và tạo dựng sự tin tưởng ở người khác [1]; là hành trang giúp cá nhân thích nghi với sự thay đổi không ngừng của xã hội [3]; là một trong những kỹ năng rất quan trọng, cần thiết để đem lại sự thành công cho mỗi người trong công việc học tập, nghiên cứu cũng như các hoạt động, giao tiếp xã hội [4], [5]. Chính vì vậy, đối với sinh viên (SV) đại học nói chung và sinh viên đại học sư phạm nói riêng, KNTT là rất cần thiết và quan trọng, cần được trang bị trước khi rời ghế nhà trường [6].

Sinh viên đại học sư phạm là lực lượng tri thức trẻ, thầy cô giáo tương lai, có ảnh hưởng quan trọng đối với sự nghiệp giáo dục và sự phát triển xã hội. Với vai trò “trụ cột của nền giáo dục quốc gia trong tương lai” [7], đứng trước thách thức của thời kỳ chuyển đổi số và bùng nổ trí tuệ nhân tạo, trước yêu cầu đổi mới toàn diện giáo dục quốc gia, sinh viên đại học sư phạm cần được trang bị và nâng cao toàn diện kỹ năng mềm trong đó có kỹ năng thuyết trình ngay từ khi ngồi trên ghế nhà trường để có đủ “nội lực” thực hiện tốt nhiệm vụ giảng dạy, giáo dục và phát triển nhân cách người học [7]-[9].

Qua quá trình học tập và giảng dạy tại trường Đại học Sư phạm - Đại học Thái Nguyên (ĐHSP-ĐHTN), chúng tôi nhận thấy nhà trường quan tâm tới việc phát triển kỹ năng mềm cho sinh viên; KNTT được đào tạo cho người học thông qua nhiều hình thức. Tuy nhiên, đa phần sinh viên còn khó khăn, lúng túng, thiếu tự tin khi thực hành kỹ năng này. Vì vậy, để nâng cao KNTT nói riêng và phát triển năng lực toàn diện cho SV, những vấn đề được đặt ra cần làm rõ như: SV đã nhận thức như thế nào về KNTT? Thực trạng kỹ năng của SV và thực trạng đào tạo kỹ năng cho SV thế nào? SV có hay không nhu cầu được đào tạo kỹ năng này và nhu cầu ấy như thế nào? Nhà trường cần có biện pháp, điều chỉnh gì không?... Nghiên cứu này được thực hiện để giải đáp những vấn đề trên. Cụ thể là nghiên cứu đánh giá thực trạng KNTT của SV trường ĐHSP-ĐHTN, thực trạng việc đào tạo của nhà trường và nhu cầu của sinh viên về đào tạo KNTT, từ đó đề xuất giải pháp nhằm nâng cao chất lượng đào tạo KNTT cho sinh viên trong thời gian tới.

2. Phương pháp nghiên cứu

Chúng tôi sử dụng phương pháp nghiên cứu lý thuyết để thu thập tài liệu, số liệu thứ cấp là các báo cáo của nhà trường, các khoa, Đoàn Thanh niên – Hội sinh viên (ĐTN-HSV), các Liên chi Đoàn – Liên chi Hội, các câu lạc bộ (CLB) trong trường về thực trạng đào tạo KNTT cho SV, các công trình khoa học có liên quan đến vấn đề nghiên cứu. Số liệu, thông tin sơ cấp được thu thập bằng phương pháp nghiên cứu thực tiễn với công cụ bảng hỏi và phỏng vấn sâu. Nhóm tác giả thực hiện khảo sát bằng bảng hỏi online đối với 350 SV trường ĐHSP-ĐHTN (lựa chọn ngẫu nhiên SV thuộc các khóa 56, 57, 58, 59). Thời gian chúng tôi tiến hành khảo sát bằng bảng hỏi là tháng 2 và tháng 3 năm 2025; kết quả là, chúng tôi nhận được 350 phiếu phản hồi (tỉ lệ phản hồi đạt 100%). Trên cơ sở kết quả khảo sát, chúng tôi thực hiện phỏng vấn một số sinh viên để khai thác thêm thông tin mô tả rõ hơn kết quả thu được. Bên cạnh đó, chúng tôi phỏng vấn trực tiếp 01 cán bộ quản lý phòng công tác sinh viên, 05 cán bộ quản lý các khoa, 04 cán bộ ĐTN-HSV, 18 giảng viên (kiêm nhiệm làm trợ lí sinh viên, bí thư liên chi đoàn) nhằm tham khảo ý kiến đánh giá của các chuyên gia về thực trạng KNTT của SV, thực trạng đào tạo KNTT cho SV.

Ngoài ra, chúng tôi sử dụng phương pháp thống kê mô tả và so sánh để phân tích số liệu, mô tả đặc điểm của SV như mức độ hiểu biết của SV về KNTT, đánh giá của SV về tầm quan trọng của KNTT, cách thức SV học tập rèn luyện KNTT, thực trạng KNTT của SV, nhu cầu của sinh viên.

3. Kết quả và bàn luận

3.1. Thực trạng KNTT của SV trường ĐHSP-ĐHTN

3.1.1. Quan điểm, nhận thức của SV về KNTT

* Mức độ hiểu biết của SV về KNTT

100% SV tham gia khảo sát đã từng nghe nói, biết đến KNTT. SV biết đến kỹ năng này từ nhiều nguồn khác nhau. Trong đó, sự giới thiệu của thầy cô ở đại học là nguồn giúp SV biết đến KNTT nhiều nhất (chiếm 81%). Tiếp theo lần lượt là các hoạt động, cuộc thi do nhà trường, ĐTN-HSV, các khoa và các CLB tổ chức; Internet; thông tin bạn bè; thầy cô ở bậc trung học phổ thông giới thiệu và từ người thân trong gia đình.

60% SV tham gia phỏng vấn (đều là SV năm 3, năm 4) khẳng định thầy cô ở đại học đã giới thiệu, hướng dẫn về KNTT khi dạy các học phần phương pháp dạy học về nghiệp vụ sư phạm, 100% SV chia sẻ thầy cô có giới thiệu trong các giờ học có làm bài tập báo cáo, sinh hoạt lớp, hoạt động ngoại khóa (gồm cả hoạt động cấp trường, khoa và lớp).

* Nhận thức của SV về mức độ quan trọng của KNTT

Kết quả khảo sát nhận thức của SV về mức độ quan trọng của KNTT đối với SV sư phạm tại Bảng 1 cho thấy hầu hết SV nhận thức được tầm quan trọng của KNTT (96,3%). Số SV xác định KNTT rất quan trọng đối với SV chiếm tỉ lệ cao nhất là 68,6%. Tuy nhiên, còn 4 SV (1,1%) cho rằng KNTT là không quan trọng.

Bảng 1. Đánh giá của SV về mức độ quan trọng của kỹ năng thuyết trình đối với SV sư phạm

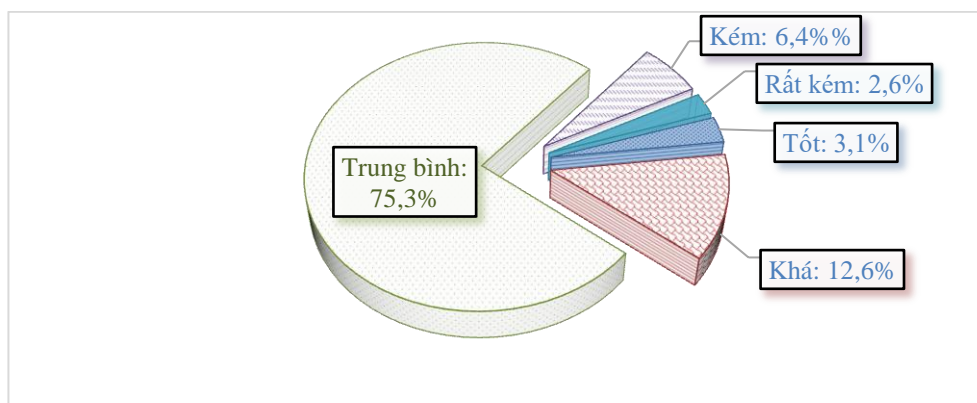
Nội dung	Tổng số SV phản hồi	Số SV lựa chọn	Tỷ lệ (%)
Không quan trọng	350	4	1,1
Bình thường	350	9	2,6
Quan trọng	350	97	27,7
Rất quan trọng	350	240	68,6

(Nguồn: Số liệu khảo sát của nhóm tác giả, 2025)

Kết quả khảo sát lý do KNTT cần thiết đối với SV cho thấy 100% SV cần KNTT để giúp có nghiệp vụ sư phạm tốt, giảng dạy tốt hơn khi thực tập, công việc giáo viên sau này và giúp dễ xin việc; 90,6% SV (317/350) cần để giúp tự tin và năng động, 84,3% SV (295/350) cần để đạt kết quả cao hơn trong học tập. Bên cạnh đó, một số lí do khác mà SV chọn là giúp làm các công việc khác ngoài giáo viên (dẫn chương trình, kinh doanh...) (78/350 SV chiếm 22,3%), giúp tiết kiệm thời gian và chi phí (16/350 SV chiếm 4,8%). Ngoài ra, còn một số ý kiến khác cho rằng kỹ năng thuyết trình là giúp có kỹ năng giao tiếp, kỹ năng lãnh đạo, có thể tham gia các cuộc thi về thuyết trình/ hùng biện và dễ thăng tiến trong công việc.

3.1.2. Thực trạng kỹ năng thuyết trình của sinh viên trường Đại học Sư phạm

Để đánh giá mức độ thành thạo KNTT của SV, nhóm tác giả đã tham khảo các công trình khoa học và lấy ý kiến chuyên gia xác định 4 tiêu chí đánh giá KNTT của SV là nội dung thuyết trình, ngôn từ và giọng nói, ngôn ngữ cơ thể, phương pháp và phương tiện thuyết trình [4], [9]. Trên cơ sở đó, mỗi tiêu chí được nhóm tác giả thiết kế các mức đánh giá theo thang đo Likert 5 điểm, trong đó mức thành thạo được đánh giá cho điểm thấp nhất là 1 và cao nhất là 5. Trung bình chung điểm SV tự đánh giá các tiêu chí là kết quả phản ánh KNTT của SV. Chúng tôi lấy điểm cao nhất của thang đo (là 5) trừ đi điểm thấp nhất của thang đo (là 1) và chia cho 5 mức để xác định độ chênh lệch của mỗi mức độ là 0,8. Từ đó, các mức độ của thang đo KNTT được tính quy đổi theo điểm trung bình như sau: < 1,8 là rất kém, 1,8 đến < 2,6 là kém, 2,6 đến < 3,4 là trung bình, 3,4 đến < 4,2 là khá và ≥ 4,2 là tốt. Theo đó, kết quả tại Hình 1 cho thấy, có 75,3% SV được hỏi tự đánh giá KNTT ở mức độ trung bình, 12,6% ở mức khá, 6,4% ở mức kém, 3,1% ở mức tốt và có 2,6% SV tự đánh giá ở mức rất kém. Nhóm sinh viên tự đánh giá mức độ khá, tốt là SV giữ chức vụ cán bộ Đoàn - Lớp - Hội, tham gia tích cực hoạt động các CLB.



Hình 1. Kết quả tự đánh giá của SV về KNTT của bản thân
(Nguồn: Số liệu khảo sát của nhóm tác giả, 2025)

Nhóm nghiên cứu đã tính điểm trung bình của 350 SV tham gia khảo sát, điểm trung bình KNTT của SV trường ĐHSP-ĐHTN ở mức độ trung bình với 3,21 điểm. Mặc dù đánh giá chung KNTT SV là mức trung bình nhưng có sự khác biệt giữa các khóa sinh viên. Trong đó, khóa 57 (sinh viên năm 3) tự đánh giá KNTT ở mức khá với điểm trung bình 3,45; sau đó là các mức trung bình lần lượt khóa 56, 58 và khóa 59. Giải thích về sự chênh lệch này, quan điểm của các các bộ quản lý, giảng viên và sinh viên đồng nhất là do: Khóa 57 ngay từ khi nhập học đã được định hướng kỹ năng, được tham gia nhiều chương trình tập huấn của Đoàn – Hội và SV tích cực tham gia các hoạt động ngoại khóa, có thời gian học dài hơn khóa 58,59. Khóa 56 – SV năm cuối nhưng do ảnh hưởng dịch Covid-19 không được tổ chức nhập học, học tập trực tiếp ngay từ kỳ đầu tiên, các em không được tham gia chương trình định hướng kỹ năng cho SV, tuy nhiên có thời gian học dài hơn, thời gian học phương pháp và rèn luyện nghiệp vụ sư phạm cũng nhiều hơn các khóa, trải qua các đợt thực tập nên được phát triển KNTT. Còn khóa 59 là SV năm nhất mới hoàn thành 1 kỳ học nên dù được định hướng kỹ năng nhưng chưa có nhiều thời gian, cơ hội để được rèn luyện KNTT.

Để làm rõ hơn những khó khăn, hạn chế trong KNTT của SV, chúng tôi đã thiết kế câu hỏi để SV lựa chọn và chia sẻ. Kết quả cho thấy phần đa SV thiếu tự tin (88,6%), có vấn đề về giọng nói như nói ngọng, nói nhỏ, hụt hơi, nói không có điểm nhấn... (78,4%), khó khăn khi thiết kế và kết hợp thuyết trình với phần trình chiếu (71,2%), hạn chế về ngôn ngữ cơ thể như di chuyển, tay, ánh mắt, gương mặt (70,5%). Bên cạnh đó là các khó khăn, hạn chế như: ý tưởng sáng tạo cho bài thuyết trình, viết nội dung, quên nội dung khi thuyết trình, phối hợp khi thuyết trình nhóm.

Đánh giá về KNTT của SV, 02 cán bộ phòng công tác sinh viên, 04 cán bộ chủ chốt ĐTN - HSV trường, 13 giảng viên kiêm nhiệm trợ lý công tác sinh viên và 10 giảng viên kiêm nhiệm Bí thư Liên chi đoàn các khoa khẳng định kết quả khảo sát phản ánh đúng thực tế. Xuất phát từ thực tiễn quá trình giảng dạy và tổ chức các cuộc thi, hoạt động ngoại khóa cho SV, số lượng SV có KNTT khá, tốt không phải đa số và đó là những SV tích cực hoạt động, giữ các chức vụ trong các tổ chức lớp, chi đoàn, chi hội, Ban chấp hành ĐTN-HSV trường, Ban chấp hành Liên chi đoàn – Liên chi hội các khoa và các CLB SV. Đặc biệt trong quá trình học trên lớp, số ít SV nêu trên tiếp tục là SV tích cực tham gia thuyết trình, báo cáo bài. Đa số SV thiếu tự tin, hạn chế ngôn ngữ thuyết trình và phi ngôn từ, thiết kế trình chiếu còn mắc lỗi.

3.2. Thực trạng đào tạo KNTT cho sinh viên trường ĐHSP-ĐHTN

3.2.1. Thực trạng đào tạo KNTT

Trường Đại học Sư phạm - Đại học Thái Nguyên là cơ sở giáo dục đại học hàng đầu trong đào tạo, bồi dưỡng nhà giáo và cán bộ quản lý giáo dục chất lượng cao; nghiên cứu khoa học và

chuyên giao tri thức - công nghệ phục vụ sự nghiệp giáo dục và phát triển kinh tế - xã hội của cả nước, đặc biệt là khu vực trung du miền núi phía Bắc [10]. Trong công cuộc đổi mới toàn diện giáo dục, trường luôn chú trọng, tiên phong đổi mới mọi mặt, trong đó có công tác giảng dạy và công tác người học.

Với quan điểm người học là động lực phát triển, với mục tiêu phát triển năng lực toàn diện cho người học, trường ĐHSP-ĐHTN tích cực triển khai phát triển chương trình đào tạo định kỳ 2 năm 1 lần. Chương trình đào tạo các khóa, các khoa đều đảm bảo các học phần rèn luyện nghiệp vụ sư phạm, tăng cường nhiều học phần thực hành, thực tế; đặc biệt từng đề cương học phần đều được thiết kế các giờ thực hành, thảo luận, bài tập [11]. Qua khảo sát chương trình đào tạo của 13 khoa, chúng tôi thấy chưa có học phần nào đào tạo riêng về kỹ năng mềm hay KNTT cho SV. Đồng thời với đổi mới chương trình, giảng viên tích cực đổi mới phương pháp dạy học, kiểm tra đánh giá phát huy tính tích cực của người học với nhiều hoạt động báo cáo, thuyết trình... Trên cơ sở đó, trong quá trình học tập, SV được trang bị, rèn luyện KNTT thông qua các bài tập báo cáo, yêu cầu thuyết trình của giảng viên trong các học phần (gồm cả học phần chuyên ngành, môn chung và các học phần có nội dung liên quan trực tiếp đến KNTT). Tuy nhiên, theo kết quả phỏng vấn 18 giảng viên và 13 sinh viên đại diện 13 khoa, giảng viên và SV đều đánh giá còn phổ biến hiện tượng trong một lớp học chỉ có số ít SV tích cực, thường xuyên tham gia/đại diện nhóm báo cáo, thuyết trình sản phẩm/kết quả. Sau khi SV báo cáo/thuyết trình, SV khác và GV có nhận xét, góp ý, GV có định hướng về nội dung, trình chiếu, giọng nói, sự tự tin... nhưng không có sự hướng dẫn cụ thể, đầy đủ hay quá trình hỗ trợ sau đó để SV hoàn thiện KNTT. Đối với các học phần giao tiếp sư phạm, rèn luyện nghiệp vụ sư phạm, SV được đào tạo về một số kỹ năng thành phần của KNTT như ứng dụng CNTT thiết kế trình chiếu, cách sử dụng ngôn ngữ, giọng nói, phi ngôn từ... Tuy nhiên, do số lượng SV trong một lớp đông, thời lượng của học phần có hạn nên giảng viên không thể định hướng cụ thể và rèn luyện đối với từng SV; sự tập luyện và mức độ thành thạo tùy thuộc vào sự tự giác, chủ động của SV. Bên cạnh đó, trong quá trình học tập, SV tham gia nghiên cứu khoa học, làm khóa luận tốt nghiệp, tham dự hội thảo khoa học, giải thưởng khoa học cũng được rèn luyện KNTT.

Cùng với công tác đào tạo, công tác giáo dục và phát triển kỹ năng cho SV được nhà trường chú trọng. Từ năm 2020 – 2025, nhà trường đã xây dựng, thực hiện Đề án Xây dựng môi trường học tập, rèn luyện tốt để phát triển năng lực toàn diện người học. Một trong những nhiệm vụ quan trọng của công tác người học là thực hiện giáo dục toàn diện về chính trị, tư tưởng, đạo đức, lối sống và năng lực nghề nghiệp cho người học bằng nhiều hình thức đa dạng [12, tr.23]. Bởi vậy, nhà trường đã tổ chức nhiều hoạt động ngoại khóa, trong đó có yêu cầu SV sử dụng KNTT như cuộc thi nghiệp vụ sư phạm cấp trường, cuộc thi học tập và làm theo tấm gương đạo đức Hồ Chí Minh, cuộc thi thiết kế bài giảng E-learning, cuộc thi ý tưởng khởi nghiệp...

ĐTN-HSV trường, các CLB và tổ chức Đoàn – Hội các khoa/lớp cũng tổ chức các cuộc thi, các hoạt động mà khi tham gia, SV cần sử dụng KNTT như thi thiết kế video tri ân thầy cô, video truyền thông, cuộc thi tranh biện, hùng biện, thi tài năng, sân chơi chuyên ngành... Trong đó, một số sinh viên được tham gia với vai trò dẫn chương trình nên được phát triển và hoàn thiện hơn KNTT. Các hoạt động Đoàn – Hội, hoạt động CLB, hoạt động ngoại khóa cấp khoa/lớp tổ chức thường xuyên có ý nghĩa giúp SV tự tin, năng động, phát triển kỹ năng giao tiếp, sử dụng ngôn ngữ. Đặc biệt, đầu các khóa học khi đón tân sinh viên (từ khóa 52, trừ khóa 56 do ảnh hưởng dịch Covid-19), ĐTN-HSV tổ chức chương trình tập huấn, định hướng kỹ năng cho SV trong đó có KNTT. Tuy nhiên, theo tự đánh giá của cán bộ chủ chốt ĐTN-HSV, số lượng SV đông, tập trung trong thời gian một buổi và có rất nhiều kỹ năng cần cho SV nên KNTT chỉ được định hướng chung, cán bộ tập huấn chỉ hướng dẫn được một vài vấn đề về phi ngôn từ mà không thể tập huấn đầy đủ, bài bản về kỹ năng này.

Kết quả khảo sát về các cách SV được trang bị, đào tạo rèn luyện kỹ năng thuyết trình như trong Bảng 2.

Bảng 2. Những hoạt động rèn luyện kỹ năng thuyết trình của sinh viên

Nội dung	Tổng số SV phản hồi	Số SV lựa chọn	Tỷ lệ (%)
Tham gia các câu lạc bộ, các hoạt động/ phong trào do trường, lớp, khoa tổ chức	350	295	84,3
Được giảng viên hướng dẫn trong quá trình học	350	316	90,3
Tham gia khóa học về kỹ năng thuyết trình	350	7	2,0
Tự rèn luyện	350	281	80,3

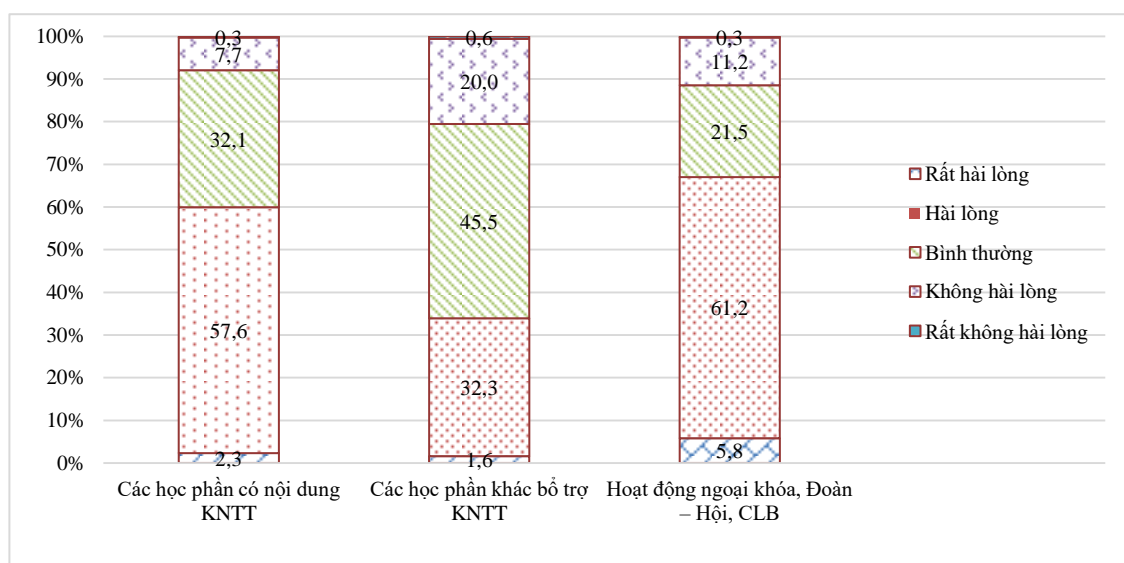
(Nguồn: Số liệu khảo sát của nhóm tác giả, 2025)

Khi phỏng vấn 7 SV đã tham gia khóa học về kỹ năng thuyết trình, 7/7 SV đều tham gia khóa học được tổ chức bởi các công ty, trung tâm giáo dục ngoài trường.

Như vậy, SV trường ĐHSP-ĐHTN được đào tạo trang bị và rèn luyện, phát triển KNTT thông qua các học phần có nội dung về KNTT; lồng ghép trong nhiệm vụ học tập của các học phần; lồng ghép trong các hoạt động nghiên cứu khoa học; lồng ghép trong các hoạt động ngoại khóa, hoạt động Đoàn – Hội, CLB. Chương trình đào tạo của trường chưa có học phần độc lập bắt buộc về KNTT và trường chưa có các khóa đào tạo ngắn hạn, lớp bồi dưỡng/tập huấn riêng về KNTT cho SV.

3.2.2. Đánh giá của SV về hoạt động đào tạo KNTT của nhà trường

Để đánh giá được chất lượng công tác đào tạo KNTT cho SV một cách khách quan và toàn diện, ngoài việc đánh giá các nội dung, hình thức đào tạo KNTT, cần đánh giá từ phía người học. Để SV đánh giá công tác đào tạo KNTT của nhà trường theo thang điểm hay xếp loại tốt/ không tốt là khó có căn cứ chính xác, bởi vậy, nhóm nghiên cứu đã thiết kế bảng hỏi mức độ hài lòng của SV đối với các hình thức theo 5 mức. Kết quả khảo sát được trình bày trên Hình 2

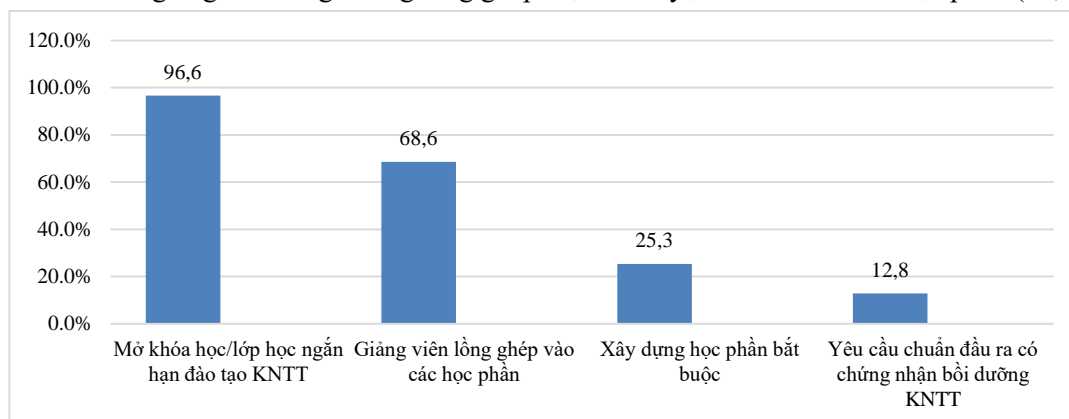
**Hình 2.** Mức độ hài lòng của SV về đào tạo KNTT cho SV của nhà trường

(Nguồn: Số liệu khảo sát của tác giả, 2025)

3.3. Nhu cầu đào tạo KNTT của sinh viên trường ĐHSP-ĐHTN

Có 99,4% SV tham gia khảo sát trả lời “có” và chỉ 0,6% SV trả lời “không” khi được hỏi có nhu cầu được đào tạo về KNTT trong thời gian tới tại trường đại học không. Có 97,6% SV tham gia khảo sát trả lời “có” và chỉ 2,4 % SV trả lời “không” khi được hỏi về việc “Nhà trường có nên đưa bổ sung thêm nhiều hoạt động đào tạo KNTT vào chương trình đào tạo đại học không?”.

Mong muốn về các hình thức đào tạo của SV được thể hiện ở Hình 3. Trong đó, nhu cầu lớn nhất của SV là trường mở các khóa đào tạo/lớp học ngắn hạn về KNTT (96,6%). Bên cạnh đó, SV có nhu cầu giảng viên tăng cường lồng ghép việc rèn luyện KNTT vào các học phần (68,6%).



Hình 3. Mong muốn của SV về hình thức đào tạo KNTT

(Nguồn: Số liệu khảo sát của nhóm tác giả, 2025)

Chúng tôi đã thực hiện khảo sát nhu cầu, mong muốn của SV đối với khóa học/lớp học KNTT về hình thức tổ chức, quy mô, phương pháp đánh giá, ghi nhận. Nhu cầu về hình thức và quy mô lớp học thể hiện ở Bảng 3.

Bảng 3. Nhu cầu của SV về hình thức và quy mô khóa học/lớp học KNTT

Hình thức tổ chức lớp học				Quy mô lớp học			
Trực tiếp	Trực tuyến	Trực tiếp kết hợp trực tuyến	Dưới 25 SV	Từ 25 đến 35 SV	Từ 35 đến 45 SV	Trên 45 SV	
37,7 %	9,1%	53,1%	55,7%	33,4%	5,1%	5,7%	

(Nguồn: Số liệu khảo sát của nhóm tác giả, 2025)

Như vậy, hình thức trực tiếp kết hợp trực tuyến và quy mô lớp học dưới 25 SV được SV lựa chọn, mong muốn nhiều nhất.

Về phương pháp đánh giá và ghi nhận, 85,4% SV trả lời có mong muốn được nhận chứng nhận sau khi hoàn thành khóa học đào tạo KNTT. Hình thức đánh giá được SV lựa chọn nhiều nhất là bài tập nhóm, thực hành và vấn đáp (67,1%); tiếp theo lần lượt là trắc nghiệm (20,9%), trắc nghiệm kết hợp tự luận (10,3%), tự luận (1,7%), không có ý kiến khác.

3.4. Một số ý kiến đề xuất nâng cao chất lượng đào tạo KNTT cho SV trường ĐHSP-ĐHTN

Xuất phát từ thực trạng và nhu cầu đào tạo KNTT của sinh viên, trên cơ sở ý kiến trả lời phỏng vấn của cán bộ giảng viên, sinh viên, chúng tôi đề xuất một số ý kiến nhằm nâng cao chất lượng đào tạo KNTT cho SV nhà trường như sau:

Một là, tiếp tục tăng cường và nâng cao chất lượng các hình thức đào tạo KNTT đã có.

Đối với các học phần có kiến thức về KNTT (giao tiếp sư phạm, rèn luyện nghiệp vụ sư phạm, phương pháp) cần xây dựng nội dung đầy đủ, ưu tiên cho KNTT và tăng thời gian thực hành, yêu cầu SV phải thực hiện bài thuyết trình có đánh giá của giảng viên. Đồng thời, việc chưa đưa kỹ năng thuyết trình vào nhóm môn học bắt buộc/yêu cầu bắt buộc cho thấy một khoảng trống cần được xem xét lấp đầy để trang bị đầy đủ hành trang cho thế hệ giáo viên tương lai, những người sẽ trực tiếp đứng lớp và truyền tải tri thức.

Đối với hình thức lồng ghép trong các học phần khác, việc tổ chức đánh giá bài tập báo cáo, thuyết trình của SV cần có tiêu chí cụ thể, thống nhất giữa các giảng viên, các học phần; chú trọng việc phản hồi, góp ý và rèn luyện KNTT cho SV thông qua các hoạt động học tập; có biện pháp để việc thuyết trình/báo cáo trên lớp không tập chung vào số ít SV để tất cả SV đều phải rèn luyện KNTT.

Đối với các hoạt động ngoại khóa, Đoàn - Hội, CLB, tăng cường các hoạt động tập huấn, mời diễn giả/chuyên gia để chia sẻ, định hướng và đào tạo KNTT cho SV; xem xét thành lập CLB về KNTT hoặc kỹ năng mềm tạo môi trường cho SV tự đào tạo cho SV và rèn luyện KNTT thường xuyên.

Hai là, mở các khóa học/lớp học đào tạo ngắn hạn có đánh giá, có cấp chứng nhận với hình thức trực tiếp hoặc trực tiếp kết hợp trực tuyến, quy mô dưới 25 SV.

Ba là, chất lượng đào tạo KNTT dù ở bất cứ hình thức nào phụ thuộc nhiều vào năng lực sư phạm và kinh nghiệm thực tiễn của giảng viên. Đặc biệt, việc lồng ghép đào tạo KNTT trong các học phần cần sự tích cực, sẵn sàng, đáp ứng của tất cả giảng viên trong trường. Vì vậy, cần tổ chức các lớp bồi dưỡng cho giảng viên về KNTT, về phương pháp giảng dạy kỹ năng mềm.

Bốn là, SV cần được định hướng sớm và tạo động lực thường xuyên để có ý thức tự giác, chủ động trong việc trang bị, rèn luyện KNTT cho bản thân.

4. Kết luận

100% SV trường ĐHSP-ĐHTN biết về KNTT và phần đa nhận thức được tầm quan trọng, sự cần thiết kỹ năng này đối với học tập và công việc tương lai. SV đã được nhà trường trang bị, rèn luyện KNTT qua các hình thức như đào tạo trong các học phần phương pháp dạy học, rèn luyện nghiệp vụ sư phạm; lồng ghép trong các học phần và thông qua các hoạt động ngoại khóa, hoạt động Đoàn – Hội, CLB. Tuy nhiên, công tác đào tạo KNTT cho SV còn thiếu các khóa học đào tạo ngắn hạn, còn những khó khăn, hạn chế chưa đáp ứng được nhu cầu của SV. Mức độ thành thạo KNTT của phần đa SV còn ở mức trung bình và SV gặp nhiều khó khăn, lúng túng trong thực hành kỹ năng này. Trong thời gian tới, SV có nhu cầu cao về đào tạo KNTT (99,4%), mong muốn nhà trường bổ sung thêm nhiều hoạt động đào tạo KNTT vào chương trình đào tạo đại học. đặc biệt là mở khóa học/lớp học đào tạo ngắn hạn có cấp chứng nhận. Để nâng cao năng lực, KNTT cho SV, đồng thời nâng cao chất lượng đào tạo KNTT cho SV, đáp ứng nhu cầu, nguyện vọng của SV, nhà trường các đơn vị, ĐTN-HSV, các CLB và mỗi cán bộ giảng viên cần phát huy vai trò, tiếp tục quan tâm và chú trọng công tác phát triển kỹ năng cho người học. Đặc biệt, bản thân mỗi SV cần ý thức tự giáo dục, tự rèn luyện KNTT.

TÀI LIỆU THAM KHẢO/ REFERENCES

- [1] A. T. T. Nguyen, "Presentation skills - A necessary educational content for university students," *Thu Dau Mot University Science Journal*, vol. 1, no. 8, pp. 27-32, 2013.
- [2] L. T. Duong, *Presentation skills*. National Economics University Publishing House, 2009.
- [3] H. D. Brown, *Teaching by Principles: An Interactive Approach to Language Pedagogy*. New York: Longman, Allyn & Bacon Publisher, 2007.
- [4] T. T. T. Nguyen, "The current situation of presentation skills of pedagogical students at Dong Nai University," *Dong Nai University Science Journal*, no. 13, pp. 9-19, 2019.
- [5] C. H. T. Nguyen, T. T. T. Tran, and T. H. T. Nguyen, "Improving English presentation skills for first-year language major students at Thai Nguyen University of Education through Ted talks," *TNU Journal of Science and Technology*, vol. 225, no. 03, pp. 181-188, 2020.
- [6] T. T. H. Le, "Presentation skills of Banking Academy students," *Journal of Banking Science and Training*, vol. 140, no. 1, pp. 69-76, 2014.
- [7] S. V. Huynh, "The current status of some soft skills of students at the University of Education," *Journal of Science, Ho Chi Minh City University of Education*, no. 39, pp. 22-28, 2012.
- [8] S. V. Huynh, "Testing some measures to develop some soft skills of students of Pedagogical University," *Journal of Science of Ho Chi Minh City Pedagogical University*, no. 50, pp. 68-77, 2013.
- [9] S. V. Huynh, *Soft skills for students of Pedagogical University*. Education Publishing House, 2012.
- [10] Thai Nguyen University of Education, "Mission, vision and core values". [Online]. Available: <https://tnue.edu.vn/su-mang-tam-nhin-gia-tri-cot-loi>. [Accessed April 24, 2025].
- [11] Thai Nguyen University of Education, "Bachelor of Pedagogy training program," 2024. [Online]. Available: <https://tnue.edu.vn/chuong-trinh-dao-tao-cu-nhan-su-pham>. [Accessed April 24, 2025].
- [12] Party Committee of the University of Education, *Documents of the 21st Congress of Party Committee of the University of Education, term 2025 – 2030*, 2025.